

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 272/2021/DS-ST

Ngày: 24/12/2021

V/v tranh chấp: “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Lĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Văn Bình (Châu Vũ Bình)

Ông Trần Văn Sượn

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 145/2021/TLST-DS ngày 14/5/2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-DS ngày 12/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2021/QĐST-DS ngày 06/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2021)

Bị đơn: Chị Phan Thị Ái N, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 49 Ô 3, Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai đề ngày 26/4/2021 của nguyên đơn anh Lương Văn P và trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 trình bày:

Anh Lương Văn P có cho chị Phan Thị Ái N vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 22/7/2013, anh P cho chị N vay 3.000.000đồng (ba triệu đồng);

Ngày 6/8/2013, anh P cho chị N vay 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);

Ngày 14/8/2013, anh P cho chị N vay 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng);

Ngày 21/8/2013, anh P cho chị N vay 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);

Tổng số tiền chị N vay anh P là 37.000.000đồng (Ba mươi bảy triệu đồng). Anh P đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng chị N không thực hiện.

Do đó, anh Lương Văn P yêu cầu chị Phan Thị Ái N trả cho anh P số tiền vay còn nợ là 37.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Phan Thị Ái N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị N vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn P thì anh P có cho chị Ái N vay tiền nhiều lần, vào các ngày 22/7/2013, 06/8/2013, 14/8/2013 và 21/8/2013. Từ khi vay cho đến nay chị Ái N chưa trả cho anh P, tính đến nay là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, Tòa án xác định đây là tranh chấp “Đòi lại tài sản” nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện; Căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Phan Thị Ái N theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị Ái N vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Ái N.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn P về việc yêu cầu chị Phan Thị Ái N trả cho anh số tiền vay còn nợ là 37.000.000đồng, Tòa án nhận định:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và chứng cứ do anh Lương Văn P cung cấp thì ngày 22/7/2013 anh P có cho chị Ái N vay số tiền 3.000.000 đồng, ngày 06/8/2013 anh P có cho chị Ái N vay số tiền 5.000.000 đồng, ngày 14/8/2013 anh P có cho chị Ái N vay số tiền 4.000.000 đồng. Cả 3 lần vay tiền, chị Ái N đều có viết biên nhận cho anh P giữ.

Căn cứ vào các Biên nhận (giấy viết tay) ngày 22/7/2013, ngày 06/8/2013, ngày 14/8/2013 do anh P Cung cấp;

Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Phan Thị Ái N nhưng chị Ái N vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của anh P. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì xem như chị Ái N không có phản đối gì đối với yêu cầu của anh P đối với 3 biên nhận này.

Đối với biên nhận ngày 21/8/2013 do anh P cung cấp để yêu cầu chị Ái N trả cho anh số tiền 25.000.000đồng, Tòa án nhận định: Tại Bản tự khai bổ sung đề ngày 23/12/2021 và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 là đại diện theo ủy quyền của anh P cho rằng vào ngày 21/8/2013, chị N đến nhà anh P để hỏi vay 21.000.000đồng, khi đó chị N tự tay viết biên nhận nhận nợ với số tiền 21.000.000đồng, và chị N đã nhận đủ số tiền 21.000.000đồng từ anh P. Nhưng liền sau đó chị N hỏi anh P để vay thêm 4.000.000đồng, anh P đồng ý và đưa thêm cho chị N 4.000.000đồng, nên chị N tự tay sửa trực tiếp trên biên nhận, cụ thể là sửa số 21.000.000đồng thành 25.000.000đồng và sửa chữ “một” trong dấu ngoặc đơn thành chữ “lăm”.

Xét thấy, Biên nhận ngày 21/8/2013, tại phần ghi 25.000.000đồng có dấu hiệu sửa chữa viết đề tại hàng triệu (tức có dấu hiệu sửa chữa ,viết đề tại số 5) và tại phần ghi chú trong dấu ngoặc đơn (*Hai mươi lăm triệu đồng*) thì có dấu hiệu sửa chữa viết đề tại chữ “lăm”. Phía nguyên đơn cho rằng dấu sửa chữa đó là do bị đơn tự viết đề, tự sửa là chưa có cơ sở, bởi lẽ đây chỉ là lời khai của phía nguyên đơn, không được phía bị đơn thừa nhận, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ai làm chứng. Do đó không có cơ sở buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000đồng theo biên nhận ngày 21/8/2013 này. Tuy nhiên, xét thấy chữ số 25.000.000đồng chỉ có dấu hiệu sửa chữa viết đề tại hàng triệu (tức viết đề tại số 5) còn tại hàng chục triệu (tức số 2) và các số còn lại không có dấu hiệu sửa chữa, phía nguyên đơn cũng thừa nhận ngay từ đầu bị đơn chỉ vay 21.000.000đồng, nên chỉ buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 21.000.000đồng theo biên nhận này.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 22/7/2013 anh P có cho chị Ái N vay số tiền 3.000.000 đồng, ngày 06/8/2013 anh P có cho chị Ái N vay số tiền 5.000.000 đồng, ngày 14/8/2013 anh P có cho chị Ái N vay số tiền 4.000.000 đồng và ngày 21/8/2013 anh P cho chị N vay 21.000.000đồng, tổng cộng là 33.000.000đồng và chị Ái N chưa trả số tiền này cho anh P. Do đó cần buộc chị Phan Thị Ái N phải có nghĩa vụ trả cho anh Lương Văn P số tiền 33.000.000đồng.

[3] Xét yêu cầu của anh Lương Văn P về việc yêu cầu chị Phan Thị Ái N có nghĩa vụ trả số tiền vay cho anh khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lương Văn P về thời gian trả tiền là có cơ sở, bởi vì chị Phan Thị Ái N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho anh P nên đã xâm phạm đến quyền lợi của anh P. Do đó cần buộc chị Phan Thị Ái N có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền vay còn nợ là 33.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật;

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Lương Văn P và chị Phan Thị Ái N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 92, 147, 220, 227, 228, 233, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 429, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 290, Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012.

Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn P.

Buộc chị Phan Thị Ái N có nghĩa vụ trả cho anh Lương Văn P số tiền vay còn nợ tổng cộng là 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba mươi triệu đồng*);

Thời gian thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Lương Văn P có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu chị Phan Thị Ái N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Anh Lương Văn P phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 925.000đồng tạm ứng án phí mà anh P đã nộp theo Biên lai thu số 0004881 ngày 10/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên anh P còn được hoàn lại số tiền 625.000đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Chị Phan Thị Ái N phải chịu 1.650.000đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với chị Phan Thị Ái N vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Lĩnh